Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0305.39.20

Mã HS	0305.39.20
Mô tả hàng hóa	Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Phi-lê cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối, nhưng không hun khói: / - - Loại khác: / - - - Cá hố savalai (Lepturacanthus savala), cá đù Belanger (Johnius belangerii), cá đù Reeve (Chrysochir aureus) và cá đù mắt to (Pennahia anea)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 08:04:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03053920/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K508
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N508
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q508
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ508
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E504
ATIGA	2022	2022	0	AT!E505
ATIGA	2023	2023	0	AT!F505
ATIGA	2024	2024	0	AT!G505
ATIGA	2025	2025	0	AT!H505
ATIGA	2026	2026	0	AT!I505
ATIGA	2027	2027	0	AT!J505
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E507
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F507
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G507
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H507

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I507
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J507
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E507
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F507
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G507
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H507
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I507
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J507
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F505
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H504
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F507
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G507
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H507
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I507
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J507
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K507
VKFTA	2022	2022	0	VK!E505
VKFTA	2023	2023	0	VK!F505
VKFTA	2024	2024	0	VK!G505
VKFTA	2025	2025	0	VK!H505
VKFTA	2026	2026	0	VK!I505
VKFTA	2027	2027	0	VK!J505
VCFTA	2022	2022	23	VC!D506
VCFTA	2023	2023	23	VC!E506
VCFTA	2024	2024	5	VC!F506
VCFTA	2025	2025	5	VC!G506

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	5	VC!H506
VCFTA	2027	2027	5	VC!I506
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D509
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E509
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F509
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G509
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H509
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I509
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D506
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E506
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F506
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G506
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H506
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I506
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D506
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E506
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F506
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G506
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H506
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I506
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D508
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E508
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F508
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G508
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H508
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I508

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D506
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E506
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F506
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G506
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H506
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I506
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J506
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D505
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E505
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F505
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G505
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H505
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I505
RCEP B	2022	2022	0	B!D505
RCEP B	2023	2023	0	B!E505
RCEP B	2024	2024	0	B!F505
RCEP B	2025	2025	0	B!G505
RCEP B	2026	2026	0	B!H505
RCEP B	2027	2027	0	B!I505
RCEP C	2022	2022	0	C!D505
RCEP C	2023	2023	0	C!E505
RCEP C	2024	2024	0	C!F505
RCEP C	2025	2025	0	C!G505
RCEP C	2026	2026	0	C!H505
RCEP C	2027	2027	0	C!I505
RCEP D	2022	2022	0	D!D505

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E505
RCEP D	2024	2024	0	D!F505
RCEP D	2025	2025	0	D!G505
RCEP D	2026	2026	0	D!H505
RCEP D	2027	2027	0	D!I505
RCEP E	2022	2022	0	E!D505
RCEP E	2023	2023	0	E!E505
RCEP E	2024	2024	0	E!F505
RCEP E	2025	2025	0	E!G505
RCEP E	2026	2026	0	E!H505
RCEP E	2027	2027	0	E!I505
RCEP F	2022	2022	0	F!D505
RCEP F	2023	2023	0	F!E505
RCEP F	2024	2024	0	F!F505
RCEP F	2025	2025	0	F!G505
RCEP F	2026	2026	0	F!H505
RCEP F	2027	2027	0	F!I505
VIFTA	2024	2024	20	VI!F485
VIFTA	2025	2025	20	VI!G485
VIFTA	2026	2026	20	VI!H485
VIFTA	2027	2027	20	VI!I485

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0305.39 có 5 dòng thuế; dòng 0305.39.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cá hố savalai (Lepturacanthus savala), cá đù Belanger (Johnius belangerii), cá đù Reeve (Chrysochir aureus) và cá đù mắt to (Pennahia anea).	0305.39.10 Cá nhói nước ngọt (Xenentodon cancila), cá phèn dải vàng (Upeneus vittatus) và cá khế lược mang dài (Ulua mentalis); 0305.39.91 Của cá nước ngọt; 0305.39.92 Của cá biển; 0305.39.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0305.39.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0305.39.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N508), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.